

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỒNG THÁP**



**GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: LUẬT THÚ Y
NGÀNH, NGHỀ: THÚ Y
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP/CAO ĐẲNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 257/QĐ-TCĐNĐT-ĐT ngày 13 tháng 07 năm 2017
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nghề Đồng Tháp)

Đồng Tháp, năm 2017

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG MÔN LUẬT THÚ Y

Mã số môn học: **MH-18 (hệ cao đẳng), MH-12 (hệ trung cấp)**

Thời gian môn học: **30 giờ** (Lý thuyết: **18 giờ** ; Thực hành: **9 giờ**, Kiểm tra: **3 giờ**)

MỤC TIÊU CỦA MÔN HỌC:

Học xong môn học này, người học có khả năng:

- *Kiến thức:* Hiểu rõ các văn bản được quy định trong pháp lệnh thú y hiện hành.
- *Kỹ năng:* Thực hiện tốt các công tác được quy định trong pháp lệnh thú y như: Phòng chống dịch bệnh; Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc (sản xuất, kinh doanh)...
- *Thái độ:* Khách quan trong xử lý công việc thú y theo luật định.

NỘI DUNG MÔN HỌC: . Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

Mã số	Tên chương mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	TH	Kiểm tra* (LT hoặc TH)
MH12-01	Pháp lệnh thú y và các văn bản hướng dẫn thi hành pháp lệnh thú y. 1. Giới thiệu môn học 2. Giới thiệu Pháp lệnh thú y năm 2015	5	3	2	
MH12-02	Các văn bản về phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật	10	6	3	1
MH12-03	Các văn bản về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ; kiểm tra vệ sinh thú y	8	4	3	1
MH12-04	Các văn bản về quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y; Về phạm vi và điều kiện hành nghề thú y.	7	5	1	1
	Cộng	30	18	9	3

CHƯƠNG 1: PHÁP LỆNH THÚ Y VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH PHÁP LỆNH THÚ Y

Mục tiêu:

- Học viên phải nắm được nội dung các văn bản hướng dẫn thi hành pháp lệnh thú y hiện hành .
- Học viên phải tuân thủ các văn bản pháp luật thú y được Nhà nước ban hành.

1.1. Giới thiệu về pháp lệnh thú y ban hành năm 1993

Điều 1. Phạm vi áp dụng Pháp lệnh Thú y bao gồm:

1. Động vật, sản phẩm động vật theo quy định tại Điều 2, Pháp lệnh Thú y;
2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi, giết mổ, chế biến, bảo quản, lưu thông, tiêu thụ động vật, sản phẩm động vật;
3. Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thuốc và nguyên liệu làm thuốc thú y hoặc hành nghề thú y;
4. Các nguyên liệu, sản phẩm dùng để chăn nuôi, nước sử dụng cho chăn nuôi hoặc chế biến sản phẩm động vật;
5. Chuồng trại chăn nuôi, bãi chăn thả, vườn thú, mặt nước nuôi thủy sản;
6. Nhà xưởng thiết bị, dụng cụ, phương tiện dùng để chăn nuôi, giết mổ, chế biến, bao gói, bảo quản, tiêu thụ, lưu thông, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;
7. Các chất thải trong chăn nuôi, giết mổ và chế biến sản phẩm động vật, các chất thải công nghiệp, chất thải trong sinh hoạt liên quan đến môi trường chăn nuôi động vật, thủy sản;
8. Vệ sinh môi trường liên quan chăn nuôi thú y.

Điều 2. Các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ổ dịch là nơi có một hoặc nhiều động vật ốm, chết vì bệnh truyền nhiễm.
2. Động vật mắc bệnh là động vật nhiễm bệnh truyền nhiễm và có triệu chứng, bệnh tính biểu hiện rõ của bệnh hoặc đã xác định được mầm bệnh trong phòng thí nghiệm;
3. Động vật nghi mắc bệnh là động vật có triệu chứng, bệnh tích chưa rõ và chưa xác định được nguồn bệnh hoặc động vật ở trong vùng dịch mà có biểu hiện bỏ ăn, sốt;
4. Động vật nhiễm bệnh là động vật chưa có triệu chứng điển hình của bệnh đó nhưng có biểu hiện tương tự như động vật mắc bệnh;
5. Động vật nghi nhiễm bệnh là động vật dễ nhiễm, đã tiếp xúc hoặc ở gần động vật mắc bệnh hoặc nghi mắc bệnh;

6. Vùng an toàn dịch bệnh là vùng lãnh thổ được xác định là không xảy ra bệnh trong danh mục do Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm công bố trong một giai đoạn nhất định tùy theo từng bệnh;

7. Thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật là thức ăn mà trong thành phần có thịt, cá, máu, sữa xương động vật, hoặc các sản phẩm động vật khác;

8. Lò mổ, điểm giết mổ trâu, bò, lợn, ngựa... là cơ sở được chính quyền địa phương cho thành lập và do cơ quan Thú y địa phương kiểm soát giết mổ để tiêu dùng trong nước;

9. Lò mổ và điểm mổ xuất khẩu là cơ sở giết mổ động vật được chính quyền địa phương cho thành lập và do Cục Thú y kiểm soát giết mổ để xuất khẩu;

10. Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu là cơ sở kiểm dịch động vật của cơ quan thú y ở sân bay quốc tế, sân ga, bến cảng cửa khẩu có giao lưu quốc tế;

11. Cơ sở cách ly kiểm dịch là cơ sở do cơ quan Thú y quản lý gồm lồng, bè, ao, chuồng, hoặc một khu vực nuôi động vật cách ly hoàn toàn không cho tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với động vật khác trong một thời gian nhất định nhằm theo dõi hoặc kiểm tra xét nghiệm;

12. Tiêu độc là công việc nhằm tiêu diệt mầm bệnh truyền nhiễm tiếp theo sau công việc vệ sinh đối với chuồng trại, phương tiện chứa, nhốt động vật và các dụng cụ khác, có thể trực tiếp hoặc gián tiếp làm lây truyền bệnh cho động vật hoặc gián tiếp gây ô nhiễm cho sản phẩm động vật;

13. Sản phẩm động vật bao gồm thịt, các sản phẩm từ thịt, các sản phẩm có nguồn gốc động vật sử dụng làm thức ăn cho người và động vật, làm nguyên liệu cho dược phẩm và cho công nghiệp;

14. Nguyên liệu nguồn gốc động vật gồm da, lông, da lông thú, sừng, móng, xương, bột thịt, bột xương, bột cá, chất nội tiết và sản phẩm khác có nguồn gốc động vật;

15. Thực phẩm có nguồn gốc động vật gồm: Thịt và các sản phẩm từ thịt; Các phụ phẩm từ thịt và các sản phẩm khác được chế biến từ chúng; Sữa và các sản phẩm từ sữa; Trứng quả, bột trứng và các sản phẩm khác từ trứng; Động vật thủy sản tươi sống, sơ chế: cá, tôm, cua, ếch, ốc...; Mật ong và các sản phẩm của ong;

16. Vệ sinh thú y thực phẩm là công việc vệ sinh trong quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản và lưu thông thực phẩm có nguồn gốc động vật;

17. Chế phẩm sinh học là chế phẩm có nguồn gốc sinh vật kể cả vi sinh vật để chuẩn đoán phòng bệnh, chữa bệnh, các thực liệu lấy từ nấm, vi trùng, vi rút và các loài nguyên sinh độc tố, nọc độc từ nguồn động vật hoặc thực vật gây hại cho động vật;

18. Giấy chứng nhận kiểm dịch quốc tế của nước xuất là giấy tờ do cơ quan Thú y của quốc gia có thẩm quyền cấp chứng nhận về sự an toàn của động

vật, sản phẩm động vật và các biện pháp áp dụng nhằm ngăn ngừa dịch bệnh lây lan của nước xuất động vật, sản phẩm động vật;

19. Thân thịt là thân gia súc giết mổ sau khi đã tháo tiết, làm sạch lông;

20. Thịt là tất cả phần ăn được của thân thịt gia súc kể cả phụ phẩm;

21. Thịt tươi là thịt chưa qua xử lý, bao gồm cả thịt ướp lạnh và thịt đông lạnh;

Điều 3: Tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài hoạt động chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh động vật và sản phẩm động vật, thuốc thú y và các hoạt động khác có liên quan đến công tác thú y trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo quy định của Pháp lệnh Thú y và có trách nhiệm:

1. Đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trong những lĩnh vực sau đây:

a) Sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, thử nghiệm thuốc thú y, giống vi sinh vật dùng trong thú y;

b) Xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập - tái xuất khẩu, quá cảnh động vật, sản phẩm động vật, lưu thông vận chuyển động vật, sản phẩm động vật từ tỉnh này sang tỉnh khác;

c) Lập lò mổ, điểm giết mổ động vật hoặc cơ sở chế biến, bảo quản tiêu thụ sản phẩm động vật;

d) Có các hoạt động khác liên quan đến công tác thú y theo quy định phải đăng ký.

2. Khai báo với cơ quan có thẩm quyền trong những trường hợp sau đây:

a) Khi thấy động vật nuôi của mình bị ốm hoặc chết mà có dấu hiệu dịch bệnh;

b) Nhập động vật cảnh, sản phẩm động vật qua cửa khẩu;

c) Khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật qua các trạm kiểm dịch động vật trong nước;

d) Có hoạt động khác liên quan đến công tác thú y theo quy định phải khai báo.

3. Thực hiện mọi quy định về quản lý của Nhà nước về công tác thú y.

Điều 4 - Các ngành, các cấp, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm giám sát và giúp đỡ cơ quan Thú y trong việc thi hành nhiệm vụ bảo vệ và phát triển động vật.

1.2. Giới thiệu Pháp lệnh thú y năm 2004

1.2.1. Chương 1: Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định về phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ,

kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y; hành nghề thú y.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Pháp lệnh này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thú y trên lãnh thổ Việt Nam. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Pháp lệnh này thì áp dụng điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Động vật là các loài thú, cầm, bò sát, ong, tằm và các loài côn trùng khác; động vật lưỡng cư; cá, giáp xác, nhuyễn thể, động vật có vú sống dưới nước và các loài động vật thủy sinh khác.

2. Sản phẩm động vật là thịt, trứng, sữa, mật ong, sáp ong, sữa ong chúa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, móng, các sản phẩm khác có nguồn gốc từ động vật.

3. Sơ chế động vật, sản phẩm động vật là công việc sau đánh bắt, giết mổ, bao gồm pha, lóc, làm khô, đông lạnh, đóng gói động vật, sản phẩm động vật.

4. Hoạt động thú y là công tác quản lý nhà nước về thú y và các hoạt động phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y; hành nghề thú y.

5. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật là vùng, cơ sở được xác định mà ở đó không xảy ra bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch trong một khoảng thời gian quy định cho từng bệnh, từng loài động vật và hoạt động thú y trong vùng, cơ sở đó bảo đảm kiểm soát được dịch bệnh.

6. Dịch bệnh động vật là một bệnh truyền nhiễm thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch hoặc Danh mục các bệnh nguy hiểm của động vật làm động vật mắc bệnh, chết nhiều hoặc làm lây lan trong một hoặc nhiều vùng.

7. Ổ dịch động vật là nơi đang có bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của động vật thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch hoặc Danh mục các bệnh nguy hiểm của động vật.

8. Vùng có dịch là vùng có nhiều ổ dịch đã được cơ quan thú y có thẩm quyền xác định.

9. Vùng bị dịch uy hiếp là vùng ngoại vi bao quanh vùng có dịch hoặc vùng tiếp giáp với vùng có dịch ở biên giới của nước láng giềng đã được cơ quan thú y có thẩm quyền xác định trong phạm vi nhất định tùy theo từng bệnh.

10. Vùng đệm là vùng ngoại vi bao quanh vùng bị dịch uy hiếp đã được cơ quan thú y có thẩm quyền xác định trong phạm vi nhất định tùy theo từng bệnh.

11. Danh mục các bệnh phải công bố dịch (Danh mục A) là danh mục các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của động vật, gây thiệt hại lớn về kinh tế hoặc có khả năng lây lan sang người, bắt buộc phải công bố khi có dịch.

12. Danh mục các bệnh nguy hiểm của động vật (Danh mục B) là danh mục các bệnh do vi sinh vật, ký sinh trùng gây ra cho động vật, có khả năng lây lan rộng, có thể lây sang người.

13. Tiêu chuẩn vệ sinh thú y là các chỉ tiêu kỹ thuật về vệ sinh thú y đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát triển động vật, không gây hại cho sức khỏe con người và không gây ô nhiễm môi trường.

14. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật là việc thực hiện các biện pháp chẩn đoán, xét nghiệm động vật, sản phẩm động vật để phát hiện đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

15. Đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật là các yếu tố gây bệnh, gây hại cho sức khỏe con người, động vật, bao gồm các vi sinh vật, ký sinh trùng, trứng và ấu trùng của ký sinh trùng; chất nội tiết, chất độc, chất tồn dư; các loài động vật gây hại cho người, động vật, môi trường, hệ sinh thái.

16. Kiểm soát giết mổ động vật là việc kiểm tra, xét nghiệm để phát hiện đối tượng kiểm soát giết mổ động vật trước, trong và sau khi giết mổ.

17. Đối tượng kiểm soát giết mổ động vật là các yếu tố gây bệnh cho động vật, có hại cho sức khỏe con người, bao gồm các vi sinh vật, ký sinh trùng, trứng và ấu trùng của ký sinh trùng.

18. Kiểm tra vệ sinh thú y là việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật để phát hiện đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y.

19. Đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y là các yếu tố gây bệnh, gây hại cho người, động vật, bao gồm các vi sinh vật, ký sinh trùng, trứng và ấu trùng của ký sinh trùng, độ ẩm, độ bụi, ánh sáng, độ ồn, khí độc, chất độc và các yếu tố môi trường khác ảnh hưởng đến sức khỏe con người, sức khỏe động vật và vệ sinh môi trường.

20. Chất thải động vật là những chất phát sinh trong quá trình chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật.

21. Khu cách ly kiểm dịch là nơi nuôi giữ động vật, bảo quản sản phẩm động vật, cách ly hoàn toàn với động vật, sản phẩm động vật khác trong một thời hạn nhất định để kiểm dịch.

22. Khử trùng tiêu độc là việc diệt mầm bệnh ở ổ dịch động vật, vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp; khu cách ly kiểm dịch, cơ sở chăn nuôi, sản xuất con giống; cơ sở giết mổ, sơ chế động vật, sản phẩm động vật; cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật dùng trong thú y;

phương tiện, dụng cụ vận chuyển, chứa, nhốt động vật, sản phẩm động vật, vận chuyển chất thải động vật; chất thải động vật có thể làm lây truyền bệnh cho động vật hoặc gây ô nhiễm cho sản phẩm động vật.

23. Thuốc thú y là những chất hoặc hợp chất có nguồn gốc từ động vật, thực vật, vi sinh vật, khoáng chất, hóa chất được dùng để phòng bệnh, chẩn đoán bệnh, chữa bệnh hoặc để phục hồi, điều chỉnh, cải thiện các chức năng của cơ thể động vật, bao gồm dược phẩm, hóa chất, vắc xin, hoocmon, một số chế phẩm sinh học khác và một số vi sinh vật dùng trong thú y.

24. Chế phẩm sinh học dùng trong thú y là sản phẩm có nguồn gốc từ sinh vật dùng để chẩn đoán, phòng bệnh, chữa bệnh, điều chỉnh quá trình sinh trưởng, sinh sản của động vật, xử lý môi trường nuôi động vật.

25. Vi sinh vật dùng trong thú y là loài vi khuẩn, vi rút, đơn bào ký sinh, nấm mốc, nấm men và một số loài vi sinh vật khác dùng để chẩn đoán, phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật; nghiên cứu, sản xuất, thử nghiệm và kiểm nghiệm thuốc thú y.

26. Kiểm nghiệm thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y là việc kiểm tra, xác định các tiêu chuẩn kỹ thuật của thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y.

27. Thử nghiệm thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y là việc dùng thử thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất mới dùng trong thú y chưa có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, Danh mục chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam để xác định các đặc tính, hiệu lực, độ an toàn của thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y trên một số động vật tại cơ sở thử nghiệm.

28. Khảo nghiệm thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y là việc kiểm tra, xác định các đặc tính, hiệu lực, độ an toàn của mẫu thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y do nước ngoài sản xuất khi đăng ký nhập khẩu lần đầu vào Việt Nam trên một số động vật tại cơ sở khảo nghiệm.

29. Kiểm định thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y là việc kiểm tra, đánh giá lại chất lượng thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y đã qua kiểm nghiệm, thử nghiệm, khảo nghiệm hoặc đang lưu hành khi có tranh chấp, khiếu nại hoặc có trưng cầu giám định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

30. Các biện pháp phòng bệnh bắt buộc là việc bắt buộc sử dụng vắc xin, thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y để phòng bệnh cho động vật; bắt buộc áp dụng các biện pháp vệ sinh thú y trong chăn nuôi.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thú y

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về thú y phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thú y; kết hợp giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội.

2. Phòng bệnh là chính, chữa bệnh kịp thời, chống dịch phải khẩn trương để phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả; ngăn ngừa triệt để sự xâm nhập, phát triển của các loài động vật gây hại cho người, động vật, môi trường, hệ sinh thái.

3. Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, kết hợp giữa khoa học và công nghệ hiện đại với kinh nghiệm của nhân dân trong việc phòng, chống dịch bệnh, phát hiện bệnh nhanh, chẩn đoán bệnh chính xác, chữa bệnh cho động vật có hiệu quả, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm cho người sử dụng sản phẩm động vật, ngăn ngừa sự lây lan dịch bệnh cho người và động vật.

4. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y.

5. Phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bảo đảm sự bình đẳng và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động thú y.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về thú y

1. Nhà nước đầu tư cho các hoạt động thú y sau đây:

a) Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực thú y;

b) Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các cơ quan nghiên cứu về thú y, kiểm dịch động vật; cơ sở chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; cơ sở kiểm nghiệm, thử nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y;

c) Phát triển hệ thống thông tin, giám sát dịch bệnh;

d) Xây dựng khu cách ly kiểm dịch động vật tại một số cửa khẩu hoặc tại nơi thích hợp đối với động vật thủy sản;

đ) Xây dựng và thực hiện chương trình khống chế, thanh toán một số dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của động vật và bệnh từ động vật lây sang người.

2. Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho việc nghiên cứu và sản xuất vắc xin, phòng, chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả dịch bệnh động vật.

3. Nhà nước tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y; xây dựng cơ sở giết mổ động vật tập trung; xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

4. Nhà nước có chính sách đối với người làm công tác thú y cơ sở; khuyến khích các hoạt động bảo hiểm vật nuôi, hành nghề thú y.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thú y

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thú y.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thú y đối với động vật trên cạn trong phạm vi cả nước.
3. Bộ Thủy sản chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thú y đối với động vật dưới nước, động vật lưỡng cư trong phạm vi cả nước.
4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản thực hiện quản lý nhà nước về thú y theo sự phân công của Chính phủ.
5. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về thú y trong phạm vi địa phương theo phân cấp của Chính phủ.
6. Hệ thống cơ quan chuyên ngành về thú y được tổ chức từ trung ương đến huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện). Chính phủ quy định cụ thể về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về thú y và mạng lưới thú y xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

Điều 7. Hệ thống tiêu chuẩn vệ sinh thú y; hệ thống tiêu chuẩn thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y.

1. Hệ thống tiêu chuẩn vệ sinh thú y; hệ thống tiêu chuẩn thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y bao gồm:

- a) Tiêu chuẩn Việt Nam;
 - b) Tiêu chuẩn ngành;
 - c) Tiêu chuẩn cơ sở;
 - d) Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài được phép áp dụng tại Việt Nam.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Tiêu chuẩn Việt Nam, bao gồm:
- a) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi, thu gom, kinh doanh động vật; cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống;
 - b) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển dùng trong chăn nuôi;
 - c) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với thức ăn chăn nuôi, nước dùng cho động vật tại các cơ sở chăn nuôi tập trung, nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi;
 - d) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với chất thải động vật, đối tượng khác thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y theo quy định của pháp luật;

đ) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

e) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch;

g) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

h) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với động vật để giết mổ;

i) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ, sơ chế, bảo quản động vật, sản phẩm động vật;

k) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật lưu thông, tiêu thụ trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu;

l) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y;

m) Tiêu chuẩn thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản ban hành tiêu chuẩn ngành, bao gồm:

a) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi, thu gom, kinh doanh động vật; cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống;

b) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển dùng trong chăn nuôi;

c) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với thức ăn chăn nuôi, nước dùng cho động vật tại các cơ sở chăn nuôi tập trung, nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi;

d) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với chất thải động vật, đối tượng khác thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y theo quy định của pháp luật;

đ) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

e) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch;

g) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật;

h) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với động vật để giết mổ;

i) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ, sơ chế, bảo quản động vật, sản phẩm động vật;

k) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật lưu thông, tiêu thụ trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu;

l) Tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y;

m) Tiêu chuẩn thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y.

4. Tiêu chuẩn cơ sở do cơ sở tự xây dựng và công bố, nhưng không được thấp hơn tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, c, g, i, l và m khoản 2, các điểm a, b, c, g, i, l và m khoản 3 Điều này và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về thú y chấp nhận.

Điều 8. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Vi phạm các quy định về vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; cơ sở sản xuất thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y; cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.

2. Sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật, nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc từ động vật; thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y giả, không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, hết hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc, bị cấm sử dụng hoặc không được phép lưu hành tại Việt Nam.

3. Không thực hiện các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật.

4. Vứt xác động vật làm lây lan dịch bệnh cho động vật, cho người.

5. Vận chuyển trái phép động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm từ địa phương này đến địa phương khác.

6. Vận chuyển động vật, sản phẩm động vật từ vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp ra các vùng khác.

7. Nhập khẩu xác động vật, vi sinh vật, ký sinh trùng mà không được phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản.

8. Nhập khẩu, xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thuộc Danh mục cấm nhập khẩu, xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật.

9. Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật từ nước, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh nguy hiểm đối với động vật đó.

10. Trốn tránh việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

11. Đánh tráo động vật, sản phẩm động vật đã được kiểm dịch bằng động vật, sản phẩm động vật chưa được kiểm dịch.

12. Giết mổ động vật để kinh doanh tại cơ sở giết mổ không đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y.

13. Giết mổ động vật mắc bệnh; động vật thuộc Danh mục động vật quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng mắc bệnh.

14. Kinh doanh động vật, sản phẩm động vật không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y.

15. Dùng hoá chất cho sản phẩm động vật gây độc hại cho người sử dụng sản phẩm động vật; dùng phẩm màu không được phép sử dụng; ngâm hoá chất, tiêm nước hoặc các loại dịch lỏng khác vào động vật, sản phẩm động vật.

16. Lưu hành thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y không đúng với nội dung nhãn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về thú y phê duyệt.

17. Giả mạo thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y đã được đăng ký lưu hành trên thị trường.

18. Quảng cáo, tiếp thị thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y không đúng với tính năng, công dụng đã đăng ký.

19. Giả mạo thẻ thanh tra viên thú y, thẻ kiểm dịch viên động vật, giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề thú y.

20. Dùng các nguyên liệu, dược liệu chưa qua bào chế có hại cho động vật để phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật.

21. Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

1.2.2. Chương 2: Phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật

Điều 9. Nội dung phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật

1. Thực hiện các biện pháp phòng bệnh, chẩn đoán bệnh, chữa bệnh; chống dịch bệnh; giám sát, khống chế dịch bệnh động vật.

2. Chăm sóc sức khỏe động vật.

3. Thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y đối với sản phẩm động vật và các đối tượng khác thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y.

4. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, các chương trình khống chế, thanh toán một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của động vật và bệnh từ động vật lây sang người.

5. Bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y của cơ sở sản xuất, kinh doanh động vật, con giống; cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y; cơ sở giết mổ động vật, sơ chế động vật, sản phẩm động vật.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật

1. Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch bệnh động vật khi xuất hiện dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của động

vật có khả năng lây sang người để khống chế, dập tắt dịch bệnh trong trường hợp khẩn cấp theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản; quyết định sử dụng nguồn tài chính chống dịch lấy từ Quỹ phòng, chống dịch bệnh cho động vật để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho động vật, dập tắt dịch bệnh động vật và khắc phục hậu quả dịch bệnh động vật.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản có trách nhiệm:

a) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về phòng bệnh, chống dịch bệnh động vật;

b) Quy định điều kiện, thủ tục công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

c) Chỉ đạo thực hiện việc phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật trong phạm vi cả nước;

d) Ban hành Danh mục các bệnh phải công bố dịch, Danh mục các bệnh nguy hiểm của động vật, Danh mục các bệnh phải áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc;

đ) Quyết định công bố dịch, vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 17 của Pháp lệnh này;

e) Quy định các biện pháp phòng bệnh bắt buộc đối với động vật ở vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm, vùng đã có dịch, vùng đã bị dịch uy hiếp;

g) Quy định việc xử lý động vật và sản phẩm động vật mắc bệnh; các biện pháp khử trùng tiêu độc.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện việc phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật trong phạm vi địa phương;

b) Quyết định công bố dịch, vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm trong phạm vi địa phương;

c) Thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo chỉ đạo của Chính phủ.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về thú y có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo việc phòng, chống dịch bệnh cho động vật, thông báo dịch bệnh động vật, kiểm tra các vùng có dịch bệnh; xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật

1. Chủ vật nuôi phải thực hiện các quy định về điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi quy định tại Pháp lệnh này và thực hiện các biện pháp phòng bệnh bắt buộc, chữa bệnh, chống dịch bệnh cho động vật.

2. Tổ chức, cá nhân khi sử dụng thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y để phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật có trách nhiệm:

a) Sử dụng thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y có trong Danh mục thuốc thú y, được phép lưu hành tại Việt Nam, Danh mục chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam;

b) Thực hiện đúng hướng dẫn sử dụng hoặc chỉ dẫn của bác sĩ, kỹ thuật viên của cơ quan thú y, người được phép hành nghề thú y.

Điều 12. Điều kiện vệ sinh thú y trong chăn nuôi

1. Điều kiện vệ sinh thú y đối với chăn nuôi của hộ gia đình, cá nhân:

a) Chuồng trại, nơi chăn nuôi khác phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc, diệt mầm bệnh, các loài động vật trung gian truyền bệnh theo chế độ định kỳ và sau mỗi đợt nuôi;

b) Dụng cụ dùng trong chăn nuôi phải được vệ sinh trước khi đưa vào sử dụng;

c) Con giống phải bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng giống vật nuôi theo quy định của pháp luật về giống vật nuôi, không mang mầm bệnh truyền nhiễm, đã được kiểm dịch và áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc;

d) Thức ăn chăn nuôi phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, không gây hại cho động vật và người sử dụng sản phẩm động vật;

đ) Nước sử dụng cho chăn nuôi phải sạch, không gây bệnh cho động vật;

e) Động vật đưa ra các bãi chăn thả chung phải khỏe mạnh, không mang mầm bệnh truyền nhiễm, ký sinh trùng gây bệnh nguy hiểm.

2. Điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung:

a) Địa điểm của cơ sở chăn nuôi phải theo quy hoạch, cách xa khu dân cư, công trình công cộng, đường giao thông chính, nguồn gây ô nhiễm;

b) Bảo đảm các tiêu chuẩn vệ sinh thú y quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2, các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 7 của Pháp lệnh này;

c) Khu vực chăn nuôi phải có nơi xử lý chất thải, nơi nuôi cách ly động vật, nơi vệ sinh, khử trùng tiêu độc cho dụng cụ chăn nuôi, nơi mổ khám, xử lý xác động vật;

d) Lối ra vào khu chăn nuôi phải được áp dụng các biện pháp vệ sinh, khử trùng cho người và phương tiện vận chuyển đi qua;

đ) Nơi sản xuất, chế biến và kho chứa thức ăn chăn nuôi phải cách biệt với nơi để các hoá chất độc hại.

Điều 13. Chăm sóc sức khỏe cho động vật

1. Vật nuôi trên cạn phải được bảo đảm các điều kiện sau đây:
 - a) Được cung cấp đầy đủ nước, thức ăn phù hợp với từng loài;
 - b) Có chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y và phù hợp với từng loài vật nuôi;
 - c) Được phòng bệnh, chữa bệnh kịp thời.
2. Vật nuôi dưới nước và động vật lưỡng cư phải được bảo đảm các điều kiện sau đây:
 - a) Được sống trong môi trường nước phù hợp đối với từng loài. Nguồn nước cung cấp vào nơi nuôi thủy sản phải đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường, được xử lý sạch mầm bệnh và động vật truyền bệnh trung gian. Nguồn nước thải từ nơi nuôi phải được xử lý đạt tiêu chuẩn quy định;
 - b) Được cung cấp thức ăn đầy đủ và thích hợp cho từng loài, theo đúng quy trình kỹ thuật quy định. Thực hiện đúng chế độ xử lý, loại bỏ chất thải và vệ sinh, khử trùng dụng cụ chăn nuôi nhằm tránh lây nhiễm dịch bệnh từ nơi nuôi này sang nơi nuôi khác và từ bên ngoài vào nơi nuôi;
 - c) Phải thực hiện việc giám sát các tiêu chuẩn môi trường, theo dõi dấu hiệu dịch bệnh theo tần suất và phương pháp quy định nhằm phát hiện và xử lý kịp thời dịch bệnh ngay từ khi mới phát sinh;
 - d) Được phòng bệnh, chữa bệnh kịp thời.

Điều 14. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

1. Vùng, cơ sở có đủ các điều kiện sau đây thì được công nhận là vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:
 - a) Bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh quy định tại điểm đ khoản 2, điểm đ khoản 3 Điều 7 của Pháp lệnh này;
 - b) Thực hiện các biện pháp phòng bệnh bắt buộc, kiểm dịch động vật, kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở chăn nuôi, sản xuất con giống, giết mổ, sơ chế động vật, sản phẩm động vật;
 - c) Đã đăng ký và được thẩm định đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
2. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật được quy định như sau:
 - a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản chỉ đạo việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trong phạm vi cả nước;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản hướng dẫn cơ quan quản lý nhà nước về thú y ở địa phương trong việc lập kế hoạch xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; thẩm định, công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; quản lý các hoạt động về thú y đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật và thanh tra, kiểm tra các hoạt động về thú y đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo phân cấp;

c) Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trong phạm vi địa phương; đầu tư cho các hoạt động về thú y trong vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

d) Cơ quan quản lý nhà nước về thú y cấp tỉnh giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng, quản lý vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trong phạm vi địa phương.

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân chăn nuôi động vật phải đăng ký xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật và phải chấp hành các quy định của pháp luật về thú y đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

b) Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật phải chấp hành các quy định của pháp luật về thú y đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

Điều 15. Xây dựng chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật

1. Các nguyên tắc xây dựng chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật bao gồm:

a) Bảo đảm hiệu quả khống chế, thanh toán các bệnh dịch nguy hiểm của động vật và những bệnh từ động vật lây sang người; đáp ứng yêu cầu xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật;

b) Có biện pháp bảo đảm giảm dần số ổ dịch, số động vật mắc bệnh, tiến tới thanh toán dịch bệnh;

c) Tranh thủ sự đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật.

2. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc xây dựng chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật được quy định như sau:

a) Chính phủ có chương trình quốc gia về khống chế, thanh toán một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của động vật; chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản trong việc xây dựng và thực hiện chương trình quốc gia về khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản xây dựng chương trình quốc gia về khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật trình Chính phủ phê duyệt và chỉ đạo thực hiện chương trình;

c) Cơ quan quản lý nhà nước về thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện các biện pháp khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật; thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các biện pháp khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật; hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế để thực hiện chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật;

d) Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật về thú y cho nhân dân địa phương;

đ) Cơ quan quản lý nhà nước về thú y cấp tỉnh phổ biến, hướng dẫn các biện pháp khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp đó đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi, thú y tại địa phương.

3. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi động vật có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thú y, hướng dẫn của cơ quan thú y để thực hiện chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật.

Điều 16. Trách nhiệm xử lý bệnh dịch động vật

1. Chủ vật nuôi, chủ sản phẩm động vật có trách nhiệm:

a) Chủ vật nuôi phát hiện động vật mắc bệnh, chết do bệnh hoặc có dấu hiệu bệnh thuộc Danh mục các bệnh nguy hiểm của động vật không được bán, giết mổ hoặc vứt ra môi trường mà phải cách ly và báo ngay cho nhân viên thú y hoặc cơ quan thú y nơi gần nhất.

Trên đường vận chuyển, tại cơ sở giết mổ hoặc sơ chế, nếu chủ sản phẩm động vật phát hiện sản phẩm động vật biến chất, không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh nguy hiểm thì phải báo ngay cho nhân viên thú y hoặc cơ quan thú y nơi gần nhất;

b) Khi xác định động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch thì chủ vật nuôi, chủ sản phẩm động vật phải cách ly động vật mắc bệnh, bảo quản riêng sản phẩm động vật mang mầm bệnh, bố trí người chăm sóc động vật, sử dụng riêng dụng cụ, thức ăn chăn nuôi động vật; hạn chế lưu thông động vật, sản phẩm động vật, người ra vào cơ sở chăn nuôi; thực hiện các biện pháp xử lý bắt buộc đối với thức ăn chăn nuôi bị ô nhiễm, động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh, chất thải động vật theo quy định đối với từng bệnh; vệ sinh, khử trùng tiêu độc cơ sở chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, dụng cụ chăn nuôi, dụng cụ giết mổ, dụng cụ thú y, phương tiện vận chuyển.

2. Nhân viên thú y, cơ quan thú y có trách nhiệm:

a) Khi nhận được thông báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì nhân viên thú y, cơ quan thú y phải nhanh chóng chẩn đoán, xác định bệnh;

b) Khi xác định động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch thì nhân viên thú y, cơ quan thú y phải kịp thời hướng dẫn chủ vật nuôi, chủ sản phẩm động vật thực hiện ngay các biện pháp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Tùy theo tính chất, mức độ bệnh dịch, cơ quan thú y báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh dịch đối với khu vực đó, đồng thời báo cáo cơ quan thú y cấp trên trực tiếp.

Điều 17. Thẩm quyền và điều kiện công bố dịch bệnh động vật

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công bố dịch bệnh động vật khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Dịch bệnh thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch xảy ra trong tỉnh có khả năng lây lan rộng;

b) Có báo cáo bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về diễn biến tình hình dịch bệnh;

c) Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của động vật thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch và có văn bản đề nghị công bố dịch của cơ quan quản lý nhà nước về thú y cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản căn cứ vào mức độ, quy mô, tính chất nguy hiểm của dịch bệnh có trong Danh mục các bệnh phải công bố dịch xảy ra tại hai tỉnh trở lên để công bố dịch.

3. Thủ tướng Chính phủ công bố dịch khi có dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của động vật có khả năng lây sang người theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản.

Điều 18. Tổ chức chống dịch trong vùng có dịch

1. Khi công bố dịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo ngành nông nghiệp, ngành thủy sản, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp sau đây:

a) Xác định giới hạn vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm; đặt biển báo hiệu, trạm gác và hướng dẫn việc đi lại, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật tránh vùng có dịch;

b) Cấm người không có nhiệm vụ vào nơi có động vật mắc bệnh hoặc chết; hạn chế người ra, vào vùng có dịch;

c) Cấm giết mổ, đưa vào, mang ra hoặc lưu thông trong vùng có dịch động vật, sản phẩm động vật dễ nhiễm bệnh dịch đã công bố;

d) Khẩn cấp tổ chức tiêm phòng hoặc áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật dễ nhiễm bệnh dịch đã công bố trong vùng có dịch và vùng bị dịch uy hiếp; chữa bệnh hoặc tiêu hủy động vật mắc bệnh, sản phẩm động vật mang mầm bệnh theo hướng dẫn của cơ quan thú y có thẩm quyền; tăng cường theo dõi, giám sát động vật trong vùng đệm;

đ) Khử trùng tiêu độc chuồng nuôi, ao, đầm, nơi chăn thả động vật mắc bệnh, phương tiện, dụng cụ dùng trong chăn nuôi, chất thải, môi trường bị ô nhiễm theo hướng dẫn của cơ quan thú y và thực hiện các biện pháp vệ sinh thú y cần thiết khác trong vùng có dịch.

2. Khi công bố dịch, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thủy sản có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo ngành nông nghiệp, ngành thủy sản, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Khi công bố dịch, Thủ tướng Chính phủ quyết định:

a) Thành lập Ban chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch bệnh động vật;

b) Giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật tại các địa phương có dịch.

4. Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật có quyền huy động người, phương tiện, kinh phí theo quy định của pháp luật để tổ chức thực hiện các biện pháp dập dịch.

Điều 19. Phòng, chống dịch trong vùng bị dịch uy hiếp

1. Khi công bố dịch, người có thẩm quyền công bố dịch bệnh động vật quy định tại Điều 17 của Pháp lệnh này, đồng thời công bố vùng bị dịch uy hiếp.

2. Trường hợp dịch bệnh xảy ra trong tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước về thú y cấp tỉnh phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động liên quan đến động vật, sản phẩm động vật trong vùng bị dịch uy hiếp và thực hiện các biện pháp sau đây:

a) Kiểm soát việc đưa vào, mang ra khỏi vùng bị dịch uy hiếp những động vật, sản phẩm động vật dễ nhiễm với bệnh dịch đã công bố;

b) Kiểm soát chặt chẽ việc giết mổ, lưu thông động vật, sản phẩm động vật trong vùng;

c) Áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật.

3. Trường hợp vùng bị dịch uy hiếp tiếp giáp với vùng có dịch ở biên giới của nước láng giềng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Công bố vùng bị dịch uy hiếp trong phạm vi 5 km tính từ biên giới và thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Quyết định cửa khẩu và loài động vật không được phép lưu thông qua cửa khẩu;